

Bản án số: 03/2019/KDTM-ST

Ngày: 04/9/2019

V/v Tranh hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH - HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thu Thúy;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Phương Nga; Bà Bùi Thị Quy.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Nguyễn - Kiểm sát viên.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hà - Thư ký Tòa án.

Ngày 4 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Sách mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 02/2019/TLST-KDTM ngày 26 tháng 4 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐXXST-KDTM ngày 24 tháng 7 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2019/QĐST-KDTM ngày 16/8/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V;

Địa chỉ: Số 89 L, phường H, quận Đ, thành phố N;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch hội đồng quản trị;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A – Phó giám đốc trung tâm pháp luật ngân hàng SME và cá nhân;

Người được ủy quyền lại: Anh Nguyễn Ngọc L, anh Lý Việt T; anh Nguyễn Minh C – Phòng xử lý nợ A (Theo các văn bản ủy quyền số 106 ngày 10/01/2019, số 2964 ngày 15/11/2018).

Có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Sĩ H, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương;

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn nguyên đơn Ngân hàng TMCP V trình bày:

Ngày 30/11/2016 ông Nguyễn Sĩ H đã vay của Ngân hàng V số tiền 42.000.000đ thông qua hình thức đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn số 20161129 – 0007661 (gọi tắt là hợp đồng tín dụng), hình thức vay tín chấp, mục đích vay kinh doanh điện tử, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất cố định 42%/năm, lãi quá hạn bằng 150% của lãi trong hạn hàng tháng định kỳ trả gốc và lãi vào ngày 01, số tiền phải trả là 2.071.000đ, chia thành 36 kỳ trả nợ (theo lịch trả nợ). Trong 42.000.000đ tiền gốc được vay đã bao gồm 2.000.000đ tiền bảo hiểm nên chỉ ông Hùng chỉ nhận được 40.000.000đ. Ngày 30/11/2016 Ngân hàng V đã giải ngân số tiền nói trên vào vào tài khoản số 112254498 của ông H. Cùng ngày ông H đã rút số tiền 40.000.000đ, còn 2.000.000đ được trừ vào tiền bảo hiểm cho khoản vay. Sau đó ông H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng V, tính từ ngày giải ngân đến nay ông H mới thanh toán được số tiền gốc 5.377.722đ, tiền lãi 11.242.998đ. Tính đến ngày xét xử 04/9/2019 số tiền gốc ông H còn nợ Ngân hàng là 36.622.278đ và tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn là 48.473.619đ, phạt chậm trả lãi 35.607.975đ, tổng bằng 120.703.872đ. Yêu cầu ông H phải hoàn trả toàn bộ số tiền nêu trên cho Ngân hàng và tiếp tục chịu tiền lãi, tiền phạt chậm trả cho đến khi trả xong nợ gốc theo như thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng. Khi ông H ký kết hợp vay vốn của ngân hàng mục đích kinh doanh, ông H không có đăng ký kinh doanh nhưng có xác nhận của UBND xã H về việc ông H hiện đang kinh doanh mua bán sửa chữa hàng điện tử tại địa phương. Do ông H kinh doanh cá nhân, vợ ông H là bà Nguyễn Thị H1 không ký kết vay vốn cùng ông H nên Ngân hàng không yêu cầu bà H1 phải cùng liên đới trả số nợ trên. Ngân hàng chỉ yêu cầu một mình ông H phải trả khoản nợ đã vay của Ngân hàng.

Bà Nguyễn Thị H1 (vợ ông H) trình bày: Tòa án đến gia đình bà yêu cầu bà nhận văn bản giao lại cho ông H bà từ chối không nhận, Tòa án đề nghị được làm việc với bà, bà từ chối không làm việc vì không có liên quan gì đến việc ông H vay tiền của ngân hàng, bà không biết và không ký hợp đồng vay tiền của Ngân hàng, nếu Ngân hàng đòi tiền thì đến gặp ông H để giải quyết.

Theo tài liệu xác minh tại UBND xã H xác định: ông Nguyễn Sĩ H, sinh năm 1976, vợ là Nguyễn Thị H1, sinh năm 1979 đều đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện vẫn cư trú tại thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương. Ông H làm nghề sửa chữa, buôn bán hàng điện tử cũ tại gia đình nhưng không có đăng ký kinh doanh. Trước đó ông H có đề nghị UBND xã xác nhận nội dung ông H đang kinh doanh

sửa chữa hàng điện tử để làm thủ tục vay vốn tại Ngân hàng nên UBND xã đã xác nhận cho ông H, còn việc ông H vay vốn tại Ngân hàng như thế nào địa phương không rõ.

Tại phiên toà sơ thẩm:

Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền phạt chậm trả, yêu cầu ông H phải trả Ngân hàng V toàn bộ số tiền gốc là 36.622.278đ, tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn bằng 48.473.619đ tổng bằng 85.095.897đ và tiếp tục phải chịu tiền lãi theo thỏa thuận cho đến khi thanh toán xong nợ gốc

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách trình bày việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên tòa chấp hành đúng quy định của BLTTDS, người tham gia tố tụng: các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về đường lối giải quyết: đề nghị HĐXX áp dụng Điều 121, 122, 124, 290, 292, 405, 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015. Khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng. Khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V, buộc ông Nguyễn Sĩ H phải trả cho Ngân hàng V tiền gốc 36.622.278đ, tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn bằng 48.473.619đ, tổng 85.095.897đ và tiếp tục phải chịu tiền lãi theo thỏa thuận cho đến khi thanh toán xong nợ gốc. Về án phí ông H chịu án phí theo quy định, hoàn trả Ngân hàng V số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn ông Nguyễn Sĩ H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông H.

[2] Tại phiên tòa đại diện Ngân hàng V rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu ông H phải thanh toán đối với khoản tiền phạt chậm trả lãi phát sinh từ ngày 01/9/2017 cho đến khi ông H thanh toán hết các khoản nợ. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, HĐXX căn cứ khoản 2

Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu nguyên đơn đã rút.

[3] Về nội dung:

Xét Hợp đồng tín dụng số 20161129 – 0007661: Ngày 30/11/2016, ông H vay Ngân hàng số tiền 42.000.000đ, thời hạn 36 tháng, Ngân hàng giải ngân bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của ông H tại Ngân hàng. Tại thời điểm giao kết hợp đồng, giữa bên cho vay là Ngân hàng và bên vay tiền là ông H thực hiện trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp quy định tại các điều 121, 122, 124 của Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng nên có giá trị pháp lý làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng.

Theo thỏa thuận tại hợp đồng thể hiện lãi suất là 42%/năm, mức lãi suất do hai thỏa thuận trong hợp đồng là tự nguyện, phù hợp với quy định tại quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng: “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*”, Điều 1 Thông tư số 12 ngày 14/04/2010 hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng việt nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận, phù hợp với Quy định số 93 ngày 31/10/2015 và Thông báo số 05/2016/TB-HB ngày 24/5/2016 của Ngân hàng về chính sách giá sản phẩm cho vay không tài sản bảo đảm áp dụng đối với khách hàng cá nhân thuộc khối tín dụng tiểu thương. Sau khi Ngân hàng giải ngân số tiền cho vay, ông H không có ý kiến gì về lãi suất, tiếp tục trả nợ gốc và lãi, đến ngày 01/9/2017 mới vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên có đủ cơ sở để xác định mức lãi suất cho vay của Ngân hàng đối với khoản vay của ông H là 42%/năm.

Về nghĩa vụ thanh toán tại hợp đồng đã quy định: ông H phải trả gốc và lãi định kỳ 1 tháng/1lần vào ngày 01, tổng cộng bằng 36 kỳ trả nợ, tuy nhiên ông H mới trả cho Ngân hàng V số tiền gốc là 5.377.722đ, tiền lãi 11.242.998đ, còn nợ tiền gốc 36.622.278đ, tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn bằng 48.473.619đ, tổng 85.095.897đ (tính đến ngày xét xử sơ thẩm 04/9/2019). Đối chiếu với các điều khoản tại hợp đồng tín dụng xác định ông H đã vi phạm về thời hạn trả nợ nên Ngân hàng V yêu cầu ông H phải trả số tiền nợ gốc, tiền nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn là có căn cứ. Theo hợp đồng thể hiện ông H vay tiền của Ngân hàng mục đích kinh doanh cá nhân, vợ ông H là bà Nguyễn Thị H1 xác định không biết và không được sử dụng số tiền do ông H vay, nay Ngân hàng không yêu cầu bà H1 phải liên đới trả số nợ trên nên bà H1 không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến khoản vay nợ của ông H. Do vậy, Hội

đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V, buộc ông H phải trả Ngân hàng V tiền gốc 36.622.278đ, tiền lãi trong hạn và quá hạn tính đến ngày xét xử 04/9/2019 là 48.473.619đ, tổng bằng 85.095.897đ và phải tiếp tục chịu lãi trên số nợ gốc chưa trả theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông H phải chịu án phí theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 121, 122, 124, 290, 292, 405, 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015. Khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng. Khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V về nội dung yêu cầu ông Nguyễn Sĩ H thanh toán tiền phạt chậm trả phát sinh từ ngày 01/9/2017 đến khi ông H thanh toán hết các khoản nợ theo Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ Ngân hàng điện tử và vay vốn.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện Ngân hàng V: Buộc ông Nguyễn Sĩ H phải trả cho Ngân hàng V số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm 04/9/2019 là: tiền nợ gốc 36.622.278đ (*Ba mươi sáu triệu sáu trăm hai mươi hai nghìn hai trăm bảy tám đồng*), tiền nợ lãi trong hạn và quá hạn 48.473.619đ (*Bốn mươi tám triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn sáu trăm mười chín đồng*), tổng cộng 85.095.897đ (*Tám mươi lăm triệu không trăm chín mươi lăm nghìn tám trăm chín mươi bảy đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 04/9/2019, ông H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi trên nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ Ngân hàng điện tử và vay vốn cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

3. Án phí: Ông Nguyễn Sĩ H phải chịu 4.254.700đ (*Bốn triệu hai trăm năm mươi tư nghìn bảy trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng V 2.300.000đ (*Hai triệu ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cơ quan thi hành án dân sự huyện Nam Sách theo biên lai số AA/2017/0004535 ngày 26 tháng 4 năm 2019.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết

Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Nam Sách;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà
(Đã ký)

Đoàn Thị Thu Thúy